

CAMPUCHIA GIA NHẬP WTO

PHẠM ĐỨC THÀNH*

Bắt đầu từ năm 1993, mục tiêu quan trọng trong chính sách thương mại của Campuchia là thiết lập một chế độ thương mại song phương, tăng cường hội nhập với hệ thống thương mại khu vực và toàn cầu như ASEAN và WTO, thúc đẩy đầu tư, hỗ trợ phát triển các ngành công nghiệp hướng vào xuất khẩu, cải thiện hệ thống thông tin thương mại, mở rộng các cơ hội việc làm và xúc tiến tăng trưởng kinh tế nhằm giảm đói nghèo.

Để tham gia vào diễn đàn toàn cầu này, vào tháng 10 năm 1994, Campuchia đã đệ đơn xin gia nhập theo điều 12 Hiệp định thành lập Tổ chức thương mại thế giới. Ngay sau đó, ngày 8 tháng 12 năm 1994, đơn xin gia nhập của Campuchia đã được chấp nhận.

Trải qua hàng loạt các cuộc họp, thương lượng đa phương và song phương, cuối cùng sau gần 3 năm đàm phán chính thức, Campuchia đã trở thành thành viên WTO vào ngày 11-9-2003 và thời hạn gia nhập là ngày 31-3-2004. Tuy nhiên, do tình hình chính trị trong nước chưa ổn định nên

Campuchia đề nghị lùi thời hạn phê chuẩn việc gia nhập WTO thêm 6 tháng. Do vậy thời hạn được phê chuẩn cho Campuchia gia nhập WTO là 30-9-2004.

Ngày 13-10-2004, Campuchia đã chính thức trở thành thành viên thứ 148 của WTO. Có thể coi đây là một thành công lớn của Chính phủ Campuchia trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước, thể hiện quyết tâm cao trong việc hội nhập với nền kinh tế thế giới của Campuchia.

1. Những cam kết của Campuchia

Quá trình tham gia WTO của Campuchia so với một số nước xin gia nhập WTO cùng thời kỳ là nhanh và khá thuận lợi. Để trở thành thành viên WTO, Campuchia phải thực hiện các cam kết theo yêu cầu của WTO. Cụ thể là (1) *Cải cách chế độ đầu tư và thuế*; (2) *Cam kết cải cách luật pháp cho phù hợp với quy định của WTO*; (3) *Đảm bảo tính minh bạch của quá trình tư nhân hoá và cải cách hệ thống giá do nhà nước quản lý*; (4) *Đảm bảo quyền xuất nhập khẩu*; (5) *Thực hiện hiệp định về*

* PGS. TS. Phạm Đức Thành, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á.

các biện pháp đầu tư liên quan đến Thương mại (TRIMS); (6) Thực hiện quyền sở hữu Trí tuệ liên quan đến thương mại (TRIPS); (7) Giảm trợ cấp xuất khẩu nông nghiệp xuống còn 0%.

Như vậy, để trở thành thành viên WTO, Campuchia phải cam kết thực hiện khá nhiều lĩnh vực vượt quá sức của mình. WTO không có những quy định chi tiết về việc kết nạp thành viên mới. Sự thiếu vắng này nảy sinh hiện tượng “WTO+”, nghĩa là các nước xin gia nhập WTO phải chấp nhận các điều kiện nhiều khi còn khắt khe hơn các nghĩa vụ của nhiều thành viên cũ. Đặc biệt, các ứng viên nhất là các nước đang trong giai đoạn chuyển đổi sang kinh tế thị trường và muốn gia nhập WTO nhanh có nguy cơ phải chịu nhiều thiệt thòi.

Hai thí dụ điển hình cho việc Campuchia chấp nhận những cam kết vượt quá sức của mình:

(1) Là nước nông nghiệp kém phát triển đáng lẽ Campuchia được phép duy trì mức thuế nhập khẩu sản phẩm nông nghiệp ở mức cao thì trong thực tế Campuchia chỉ được hưởng mức bảo hộ nông nghiệp tối đa là 60%, trong khi Hoa Kỳ được hưởng 121%, Canada 120%, EU là 252%; mức thuế bảo hộ thóc gạo của Nhật Bản lên tới mức kỷ lục là 470%.

(2) Tuyên bố Doha (khoản 7) quy định các nước kém phát triển sẽ phải sử dụng các loại sản phẩm vào thời điểm 2016 nhưng trái lại, Campuchia bị buộc phải sử dụng ngay những loại được phẩm mới đó.

Nhận thức về sự trả giá đắt nói trên, ngay sau khi ký Thỏa thuận chính thức gia nhập WTO tại CanCun, Bộ trưởng Bộ Thương mại, ngài Cham Prasidh đã thừa nhận “Chúng tôi đã phải trả giá đắt cho sự gia nhập này”⁽¹⁾.

2. Nguyên nhân gia nhập WTO nhanh và sẵn sàng “trả giá”

a/ Nền kinh tế Campuchia vốn là nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu. Đất nước này đã trải qua các giai đoạn phát triển khác nhau. Đã có thời kỳ Campuchia phát triển khá toàn diện được gọi là thời kỳ “hoàng kim” trong những năm 1954-1970; tiếp theo các thời kỳ hưng thịnh đó, Campuchia bị rơi vào 5 năm khủng hoảng trầm trọng 1970-1975; và đất nước này đã bị tàn phá và suy kiệt hoàn toàn dưới thời diệt chủng 1975-1979. Từ thập kỷ 80 Campuchia bước vào thời kỳ hồi sinh. Tuy nhiên do tình hình chính trị, an ninh không ổn định nên nền kinh tế Campuchia những năm cuối thập niên 80 và đầu thập niên 90 gặp rất nhiều khó khăn.

Trong những năm vừa qua, kinh tế – xã hội Campuchia tuy có những bước chuyển biến đáng kể nhưng còn rất xa so với yêu cầu của sự phát triển. Đó là cơ cấu kinh tế, cơ cấu các mặt hàng xuất, nhập khẩu chưa hợp lý; đầu tư trực tiếp nước ngoài có xu hướng giảm rõ rệt (FDI vào Campuchia năm 1998 đạt 243 triệu USD thì năm 2003 chỉ còn 87 triệu USD); Tình trạng đói nghèo vẫn có chiều hướng gia tăng (theo WB có khoảng 43% dân số có thu nhập dưới 1 USD/ngày⁽²⁾, thu nhập bình quân theo đầu người năm 2000 là 238 USD); Cơ cấu lao động việc làm chưa hợp lý: năm 2003 vẫn có 81% người dân sống ở nông

thôn; Hệ thống tài chính cũng có những vấn đề chưa hợp lý, đặc biệt ở hệ thống giám sát và kiểm soát; sự thiếu hụt hệ thống pháp lý và hệ thống thực thi pháp lý trong tài chính là vấn đề lớn của nền kinh tế Campuchia⁽³⁾.

b/ Về chính trị, Campuchia đã từng trải qua nhiều đợt sóng gió chính trị. Đảng CPP đã phải cùng với các đảng chính trị ở Campuchia từng bước thực hiện các cuộc đàm xếp, thương lượng và cuối cùng đã tìm ra được mô hình liên kết giữa hai đảng CPP và FUNCINPEC – Chính phủ Liên hiệp giữa hai Đảng đã được thành lập vào ngày 15-7-2004. Tuy nhiên đây là một Chính phủ Liên hiệp công kênh nhất thế giới, bao gồm: 1 Thủ tướng, 7 Phó thủ tướng, 15 Bộ trưởng cao cấp, 26 Bộ trưởng và 136 quốc vụ khanh. Chính phủ Liên hiệp phải đối diện với nhiều thách thức không phải chỉ do những di chứng của cuộc khủng hoảng mà còn xuất phát từ sức ép của sự đòi hỏi phát triển của đất nước Campuchia.

Xuất phát từ hoàn cảnh cụ thể đó, Chính phủ Campuchia, đứng đầu là Thủ tướng Hun Xen, nhận thấy một trong những lối thoát là phải gia nhập WTO càng sớm càng tốt. Gia nhập WTO không những chỉ tạo ra những điều kiện thuận lợi cho Campuchia hội nhập vào cộng đồng quốc tế, tạo ra những vận mới cho nền kinh tế Campuchia nhằm thực hiện sự phát triển nhanh, bền vững mà Campuchia còn muốn tạo ra sự “đồng thuận”, ổn định, hoà hợp về chính trị giữa các Đảng phái chính trị trong nước. Bên cạnh những tác động chính trị to lớn đó, gia nhập WTO cũng góp phần đẩy lùi nạn tham nhũng, xây dựng môi trường pháp lý hiệu quả; Về mặt kinh tế

sẽ mở rộng khả năng tiếp cận và duy trì sự ổn định của thị trường xuất khẩu trên thế giới, tạo điều kiện để Campuchia được hưởng các ưu đãi về MFN, qua đó sẽ gia tăng thu hút FDI vào phát triển kinh tế đất nước; Cung cấp cho Campuchia một cơ chế giải quyết tranh chấp có hiệu quả; mặt khác tăng khả năng ổn định kinh doanh và giảm các chi phí không cần thiết về năng lượng, vận tải và bảo hiểm... Thủ tướng Hun Xen luôn nhấn mạnh “Những lợi ích của việc gia nhập WTO sẽ bù đắp cho cái giá phải trả”⁽⁴⁾.

3. Những kết quả bước đầu

a. Năm 2004, tăng trưởng Campuchia đạt 6% so với 5,3% năm 2003 nhờ vào tăng trưởng của khu vực nông nghiệp và sự phục hồi du lịch. Sản lượng công nghiệp tăng thêm khoảng 16,9%, chủ yếu dựa vào mức tăng 25% của ngành dệt may, thêu ren và dày dệp do sức tăng của thị trường thương mại thế giới và phân bổ hạn ngạch xuất khẩu hàng dệt may sang Mỹ cao hơn. Khu vực dịch vụ chiếm 7,3% tăng trưởng với mức tăng 30% trong các hoạt động nhà hàng và khách sạn, điều này giúp cho ngành du lịch phục hồi được mức trước khi có dịch SARS và cuộc bạo loạn chống người Thái.

b. Trong suốt 11 tháng đầu năm 2004, khoản thu và chi tiêu của chính phủ đạt mức tương ứng 88% và 76% mục tiêu cả năm. Tuy nhiên so với cùng kỳ năm trước doanh thu tăng thêm 15% trong đó chủ yếu là nhờ thu thuế tăng thêm 25% do áp dụng những biện pháp thuế mới vào cuối năm 2003. Tuy vậy, những khoản thu ngoài thuế lại giảm 5%. Tổng

thu các khoản phí trong giai đoạn này tăng 0,5% so với cùng kỳ năm ngoái.

Chi tiêu tăng 6% phản ánh trong mức tăng lương, trong khi đó những khoản chi phí hoạt động ngoài lương và những khoản chi xã hội tăng nhẹ. Lượng cung tiền đã tăng gấp đôi từ 15,3% năm 2003 lên 30,1% năm 2004. Nhận thức được tính bấp bênh của thị trường và tác động của chính sách tỷ giá hối đoái lên khả năng cạnh tranh, ngân hàng trung ương Campuchia vẫn tiếp tục can thiệp vào thị trường tiền tệ để duy trì sự ổn định của tỷ giá ở mức 4.019 Riên/1USD trong suốt năm 2004.

c. Xuất khẩu năm 2004 cũng tăng thêm 21,8% lên mức 1,7 tỷ USD và nhập khẩu tăng 22,4% lên 2,2 tỷ USD. Xuất khẩu được thúc đẩy nhờ tăng xuất khẩu hàng dệt may và cao su do giá hàng hoá thế giới đối với các mặt hàng này tăng lên. Tăng giá trị nhập khẩu phần lớn là do tăng việc nhập khẩu các hàng hoá phục vụ ngành dệt may để xuất khẩu và do chi phí xăng dầu tăng lên.

d. Đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Campuchia 9 tháng đầu năm 2004 đạt 90,8 triệu USD so với 66,1 triệu USD cùng kỳ năm 2003. Dòng FDI tăng mạnh nhằm tăng đầu tư vào khu vực sản xuất hàng dệt may xuất khẩu bởi lẽ các nhà đầu tư muốn đón trước khả năng Hoa Kỳ áp đặt những mặt hạn chế mới về xuất khẩu hàng dệt may từ Trung Quốc trong giai đoạn MFA hết hiệu lực.

Những sự phát triển trên đây đã giúp cho cán cân thanh toán thặng dư 68,1 triệu USD trong 9 tháng đầu năm 2004 so với mức thâm hụt 70,4 triệu USD

trong cùng kỳ năm 2003. Dự trữ ngoại tệ cũng tăng từ 736,7 triệu USD năm 2003 lên 811,7 triệu USD năm 2004.

4. Những thách thức ở phía trước

Bên cạnh những "cái được" nêu trên, Campuchia đang phải đối diện với những thách thức không nhỏ. Đó là:

a. Tăng trưởng kinh tế có chiều hướng giảm do ảnh hưởng của ngành công nghiệp hàng đầu của Campuchia là may mặc đang gặp rất nhiều khó khăn. ADB dự đoán tăng trưởng kinh tế trong 3 năm 2005 đến 2007 sẽ ở mức dưới 5% với lý do chính là giảm tỷ lệ xuất khẩu của các sản phẩm may mặc. ADB còn cho rằng GDP của Campuchia giảm trong năm 2005 không những chỉ vì xuất khẩu sản phẩm dệt may giảm sút mà còn vấp phải sự cạnh tranh toàn cầu, đặc biệt là từ Trung Quốc, nơi có giá thành của sản phẩm dệt may thấp hơn 30%.

b. Ngoại thương phát triển nhanh thúc đẩy cả tiêu dùng và đầu tư tăng mạnh. Trong đó nhập khẩu có chiều hướng tăng nhanh hơn xuất khẩu vì cho đến nay thế mạnh xuất khẩu của Campuchia vẫn chỉ dựa vào hàng may mặc trong nước và một số sản phẩm như mủ cao su và gỗ. Trong khi đó sản phẩm nguyên liệu đầu vào của ngành dệt may lại phải nhập khẩu, thậm chí phéc-motuy phục vụ ngành dệt may cũng phải nhập khẩu. Các dòng đầu tư tăng lên, nhu cầu nhập khẩu các dây chuyền công nghệ, nguyên liệu đầu vào, máy móc thiết bị kỹ thuật...gia tăng nhanh, chiếm một tỷ trọng lớn trong cơ cấu nhập khẩu của Campuchia.

c. Công nghiệp dệt may là ngành bị ảnh hưởng nhiều nhất. Chỉ mới bước chân vào WTO và ra khỏi chế độ hạn ngạch toàn cầu ngày 1-1-2005 thì những hậu quả hội nhập đã trở nên quá rõ ràng. Tháng 1-2005 Liên hiệp quốc ước tính có 20 trong số 200 nhà máy xung quanh Phnôm Pênh đã đóng cửa. Con số này đã tăng lên vào năm 2005. Bộ trưởng Thương mại Cham Prasidh thừa nhận trong năm 2005 có tới 26.000 công nhân – chiếm 10% toàn bộ lực lượng lao động ở khu vực dệt may – bị mất việc làm.

d. Với mức thuế nông nghiệp như hiện nay (thuế nhập khẩu hàng nông nghiệp là 60%) mà Campuchia đang thực hiện thì hàng nông sản từ các nước khác sẽ có xu hướng đổ vào thị trường Campuchia sẽ cạnh tranh quyết liệt với hàng nông nghiệp trong nước vốn có chất lượng không cao bằng. Thêm vào đó khu vực nông nghiệp lại có nhiều hạn chế. Các số liệu cho thấy sản lượng nông nghiệp giảm 3,7% trong mùa khô và 18,4% trong mùa mưa. Không những thế ngành nông nghiệp Campuchia còn chịu tác động của dịch cúm gia cầm và sản lượng đánh bắt cá giảm do mực nước sông Mêkông xuống thấp.

e. Lạm phát của Campuchia cũng có chiều hướng gia tăng. Nguyên nhân chủ yếu gây nên tình trạng lạm phát là do áp lực từ chi phí vận chuyển tăng khi giá dầu lửa thế giới tăng và nạn hạn hán làm tăng giá lương thực, thực phẩm.

Bài toán đặt ra cho Campuchia hôm nay là phải từng bước khắc phục những

thách thức đó và tận dụng, phát huy những “cái được” của việc gia nhập WTO, quyết tâm thực hiện các cam kết đối với WTO, nhanh chóng khắc phục những hạn chế nội sinh của mình, nhất là nâng cao tính cạnh tranh của hàng hoá Campuchia trong cuộc cạnh tranh với các thành viên khác của WTO.

CHÚ THÍCH

1. Trích theo “Cambodia” từ <http://WWW.WTO.org>
2. <http://WWW.vnagency.com.vn>. Tin kinh tế ngày 10 tháng 6 năm 2004.
3. Xem thêm: Kinh tế các nước Đông Nam Á - thực trạng và triển vọng, XB KHXH, HN, 2002.
4. “Cambodia” Tài liệu đã dẫn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cambodian Delegation, 2003, *Cambodian's Experiences in the WTO Accession Progress*.
2. Ministry of Commerce, *Opportunities, Challenges and Commitments for Cambodia's Accession to the WTO*, Phnompenh, 19-7-2001.
3. *Cambodian: Integration and competitiveness Study*, Phnompenh 1-2002
4. Oxfam, 2003, *Cambodia's accession to the WTO – How the law of jungle is applied to one of the world's poorest country*.